


PHỤ LỤC 17

(Kèm theo Thông tư số 28/2010/TT-BCT ngày 28 tháng 6 năm 2010 của Bộ Công Thương)

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Dicalcium photphate(DCP)	Logo của doanh nghiệp
Số CAS: 7757-93-9 Số UN: Số đăng ký EC: Số chỉ thị nguy hiểm của các tổ chức xếp loại (nếu có): Số đăng ký danh mục Quốc gia khác (nếu có):	

I. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT

Tên thường gọi của chất: DCP	Mã sản phẩm (nếu có)
Tên thương mại: Dicalcium Phosphate	
Tên khác (không là tên khoa học):	
Tên nhà cung cấp hoặc nhập khẩu, địa chỉ:	Địa chỉ liên hệ trong trường hợp khẩn cấp: Công ty TNHH TM DV XNK Khánh An Sài Gòn 30/17 HT31, KP01, P.Hiệp Thành, Quận 12, TP.HCM Điện thoại: 028.6683.4499
Tên nhà sản xuất và địa chỉ:	
Mục đích sử dụng: Dùng trong ngành chăn nuôi, thú y, thủy sản, ...	

II. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CÁC CHẤT

Tên thành phần	Số CAS	Công thức hóa học	Hàm lượng (% theo trọng lượng)
Dicalcium Phosphate	7757-93-9	CaHPO ₄	100%

III. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT

1. Mức xếp loại nguy hiểm (theo số liệu hợp lệ có sẵn của các quốc gia, tổ chức thử nghiệm. Ví dụ: EU, Mỹ, OSHA...)

Không phải là 1 chất độc hại. Tuy nhiên, thực hành vệ sinh công nghiệp tốt nên được sử dụng trong việc xử lý nó.

2. Cảnh báo nguy hiểm: Không có thông tin.

3. Các đường tiếp xúc và triệu chứng

- Đường mắt: có thể gây kích ứng

- Đường thở: Bụi có thể gây kích ứng đường hô hấp.

- Đường da: Hấp thụ da không có khả năng. Có thể gây kích thích thoáng nhẹ, khi tiếp xúc kéo dài.

- Đường tiêu hóa: Chất này thường được sử dụng như một thành phần trong thực phẩm, vitamin và thuốc được phẩm, và có thể một cách an toàn tiêu thụ với số lượng vừa phải. Nuốt một lượng lớn có thể gây ra đau bụng, buồn nôn, bệnh tiêu chảy.

- Hiệu ứng mãn tính: Sản phẩm này không chứa bất kỳ thành phần được chỉ định bởi IARC, NTO, ACGIH hoặc OSHA như có thể xảy ra hoặc nghi ngờ gây ung thư của con người.

IV. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

1. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường mắt (bị văng, dây vào mắt)

Giữ mí mắt mở và rửa mắt với thật nhiều nước trong thời gian ít nhất 15 phút. Tìm kiếm chăm sóc y tế nếu vẫn còn rát hoặc nếu thay đổi thị giác xảy ra.

2. Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da (bị dây vào da)

Trong trường hợp tiếp xúc với da, rửa bằng nhiều xà bông và nước. Tiếp xúc với da có thể làm nặng thêm các bệnh về da hiện có.

3. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp (hít thở phải hóa chất nguy hiểm dạng hơi, khí)

Nếu hít phải, di chuyển đến nơi có không khí trong lành. Sau đó đến ngay cơ quan y tế để được điều trị kịp thời.

4. Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa (ăn, uống nuốt nhầm hóa chất)

Không được ép nôn ra. Nếu nuốt với số lượng quá mức thì phải đến ngay cơ quan y tế.

5. Lưu ý đối với bác sĩ điều trị (nếu có)

Điều trị theo triệu chứng, không có thuốc giải độc đặc sẵn.

V. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

1. **Xếp loại về tính cháy** (dễ cháy, rất dễ cháy hoặc cực kỳ dễ cháy, không cháy, khó cháy...): Không phải là chất dễ cháy

2. **Sản phẩm tạo ra khi bị cháy:** Oxit phospho, oxit canxi

3. **Các tác nhân gây cháy, nổ** (tia lửa, tĩnh điện, nhiệt độ cao, va đập, ma sát...): Không có thông tin.

4. **Các chất dập cháy thích hợp và hướng dẫn biện pháp chữa cháy, biện pháp kết hợp khác**

Sử dụng các biện pháp dập tắt phù hợp với hoàn cảnh địa phương và môi trường xung quanh.

5. **Phương tiện, trang phục bảo hộ cần thiết khi chữa cháy**

Mặc đầy đủ quần áo bảo hộ và mang dụng cụ thở khép kín để chữa cháy nếu cần thiết.

6. **Các lưu ý đặc biệt về cháy, nổ** (nếu có)

VI. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

Mang những dụng cụ bảo vệ thích hợp.

Quét hoặc hút vật liệu cho vào một thùng chứa phù hợp, tránh tạo ra bụi, làm sạch nguyên liệu còn lại của khu vực bằng nước và chất tẩy rửa.

VII. YÊU CẦU VỀ CẤT GIỮ

1. **Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm** (thông gió, chỉ dùng trong hệ thống kín, sử dụng thiết bị điện phòng nổ, vận chuyển nội bộ...)

Đây là một thành phần thực phẩm dành cho con người. Giữ container đóng kín khi không sử dụng.

2. **Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản** (nhiệt độ, cách sắp xếp, các hạn chế về nguồn gây cháy, nổ, các chất cần tránh bảo quản chung...)

Lưu trữ trong thùng kín, lưu trữ ở một khu vực mát mẻ, khô ráo, vệ sinh cách ly với tất cả các chất độc hại, sản phẩm này là hút ẩm và có xu hướng bành về lưu trữ.

VIII. TÁC ĐỘNG LÊN NGƯỜI VÀ YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

1. **Các biện pháp hạn chế tiếp xúc cần thiết** (thông gió hoặc biện pháp giảm nồng độ hơi, khí trong khu vực làm việc, các biện pháp cách ly, hạn chế thời gian làm việc...)

Trong trường hợp kiểm soát kỹ thuật được chỉ định bởi các điều kiện sử dụng hoặc tiềm năng để tiếp xúc quá nhiều tồn tại, các kỹ thuật tiếp xúc truyền thống sau đây có thể được sử dụng để giảm thiểu

hiệu quả tiếp xúc của nhân viên: thông khí tại thời điểm thế hệ.

2. Các phương tiện bảo hộ cá nhân khi làm việc

- Bảo vệ mắt: Mắt bảo vệ mắt và yêu cầu sẽ thay đổi phụ thuộc vào điều kiện môi trường làm việc và thực hành xử lý vật liệu. ANSI Z87 thiết bị đã được phê duyệt phù hợp nên được lựa chọn cho các sử dụng đặc biệt dành cho các tài liệu này. Sử dụng kính an toàn và lá chắn bên khi làm việc trong môi trường công nghiệp.

- Bảo vệ thân thể: Nên giảm thiểu thông qua sử dụng găng tay và phù hợp quần áo dài tay (tức là áo sơ mi và quần).

- Bảo vệ tay: Bao tay/ găng tay dài chống hóa chất.

- Bảo vệ chân: mang giày bảo hộ thích hợp.

3. Phương tiện bảo hộ trong trường hợp xử lý sự cố: Không có thông tin

4. Các biện pháp vệ sinh (tắm, khử độc...): Bồn rửa mặt và vòi sen tắm.

IX. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT

Trạng thái vật lý: chất rắn (bột)	Điểm sôi (°C): không có sẵn
Màu sắc: màu trắng	Điểm nóng chảy (°C): không có sẵn
Mùi đặc trưng: không mùi	Điểm bùng cháy (°C) (Flash point) theo phương pháp xác định: không có sẵn
Áp suất hóa hơi (mm Hg) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn: không có sẵn	Nhiệt độ tự cháy (°C): không có sẵn
Tỷ trọng hơi (Không khí = 1) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn: không có sẵn	Giới hạn nồng độ cháy, nổ trên (% hỗn hợp với không khí): không có sẵn
Độ hòa tan trong nước: ít tan trong nước	Giới hạn nồng độ cháy, nổ dưới (% hỗn hợp với không khí): không có sẵn
Độ PH: không có thông tin	Tỷ lệ hóa hơi: không có sẵn
Khối lượng riêng (kg/m ³): không có sẵn	Các tính chất khác nếu có

X. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG HOẠT ĐỘNG CỦA HÓA CHẤT

1. Tính ổn định (độ bền nhiệt, độ nhạy với tác nhân ma sát, va đập...)

Ổn định trong xử lý và điều kiện bảo quản bình thường.

2. Khả năng phản ứng:

- Phản ứng phân hủy và sản phẩm của phản ứng phân hủy: Không có thông tin

- Các phản ứng nguy hiểm (ăn mòn, cháy, nổ, phản ứng với môi trường xung quanh): Không có thông tin

- Các chất có phản ứng sinh nhiệt, khí độc hại, các chất không bảo quản chung ...): Không có thông tin

- Phản ứng trùng hợp.

XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Tên thành phần	Loại ngưỡng	Kết quả	Đường tiếp xúc	Sinh vật thử
Dicalcium Phosphate	LD50	10.000 mg/kg	Miệng	Chuột

1. Các ảnh hưởng mãn tính với người (Ung thư, độc sinh sản, biến đổi gen ...): Không có thông tin

2. Các ảnh hưởng độc khác : Không có thông tin

XII. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

1. Độc tính với sinh vật: Không có thông tin

2. Tác động trong môi trường

- Mức độ phân hủy sinh học: Không có thông tin

- Chỉ số BOD và COD: Không có thông tin

- Sản phẩm của quá trình phân hủy sinh học: Không có thông tin

- Mức độ độc tính của sản phẩm phân hủy sinh học: Không có thông tin

XIII. YÊU CẦU TRONG VIỆC THẢI BỎ

1. Thông tin quy định tiêu hủy (thông tin về luật pháp)

Bổ sung hóa học, xử lý làm thay đổi vật liệu này có thể làm cho việc quản lý chất thải. Xử lý chất thải theo quy định của địa phương và quốc gia có thẩm quyền.

2. Xếp loại nguy hiểm của chất thải: Không có thông tin

3. Biện pháp tiêu hủy: Không có thông tin

4. Sản phẩm của quá trình tiêu hủy, biện pháp xử lý : Không có thông tin

XIV. YÊU CẦU TRONG VẬN CHUYỂN

Tên quy định	Số UN	Tên vận chuyển đường biển	Loại, nhóm hàng nguy hiểm	Quy cách đóng gói	Nhãn vận chuyển	Thông tin bổ sung
Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm của Việt Nam: - Nghị định số 104/2009/NĐ-CP ngày 09/11/2009 của CP quy định Danh mục hàng nguy hiểm và vận chuyển hàng nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ; - Nghị định số 29/2005/NĐ-CP ngày 10/3/2005 của CP quy định Danh mục hàng hóa nguy hiểm và việc vận tải hàng hóa nguy hiểm trên đường thủy nội địa.	KHÔNG CÓ THÔNG TIN					
Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm quốc tế của EU, USA...	KHÔNG CÓ THÔNG TIN					

XV. QUY CHUẨN KỸ THUẬT VÀ QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT PHẢI TUÂN THỦ

1. Tình trạng khai báo, đăng ký ở các quốc gia khu vực trên thế giới (liệt kê các danh mục quốc gia đã tiến hành khai báo, tình trạng khai báo)

2. Phân loại nguy hiểm theo quốc gia khai báo, đăng ký

3. Quy chuẩn kỹ thuật tuân thủ

XVI. THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC

Ngày tháng biên soạn Phiếu: 04-06-2014

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 10-12-2018

Tên tổ chức, cá nhân soạn thảo: Công ty TNHH TM DV XNK Khánh An Sài Gòn

Lưu ý người đọc:

Những thông tin trong Phiếu an toàn hóa chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hóa chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn.

Hóa chất nguy hiểm trong Phiếu này có thể có những tính chất nguy hiểm khác tùy theo hoàn cảnh sử dụng và tiếp xúc